

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (sửa đổi) ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước”; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước”;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về “Quản lý, sử dụng đất trồng lúa”; Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa”;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVII, kỳ họp thứ nhất về việc: “Quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; cụ thể như sau:

I. VỀ MỨC THU TIỀN BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất chuyên trồng lúa nước là đất trồng được hai vụ lúa nước trở lên trong năm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.

2. Mức thu:

Mức thu tiền bảo vệ,
phát triển đất trồng lúa = 50% x diện tích x giá của loại đất trồng lúa.

Trong đó:

- Diện tích: là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp được xác định cụ thể theo quyết định thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền.

- Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

4. Phương thức nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa: Số tiền thu được nộp vào ngân sách cấp tỉnh, cụ thể như sau:

- Tên tài khoản: Thu ngân sách tỉnh.

- Số hiệu tài khoản: Tài khoản 7111.

- Tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

- Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1020159.

- Hạch toán mục lục ngân sách: Tiểu mục 4914.

5. Thời gian nộp tiền: Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định (Thông báo) nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa của cấp thẩm quyền theo quy định.

II. VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA

1. Nguồn kinh phí.

Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa bao gồm:

1.1. Nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Phần I;

1.2. Nguồn kinh phí Trung ương bổ sung cho tỉnh theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.

1.3. Nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách hàng năm (gồm cả ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, xã) bố trí cho các mục tiêu nâng cấp, sửa chữa, kiên cố hóa kênh mương, hồ đập, đập dâng và các mục tiêu phục vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có).

2. Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí.

2.1. Phân bổ 35% kinh phí từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nguồn Trung ương bổ sung cho các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là huyện) theo diện tích đất trồng lúa được xác định theo số liệu thống kê đất đai do Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố của năm liền kề trước năm phân bổ ngân sách, cụ thể như sau:

$$\text{Kinh phí phân bổ cho huyện (A)} = \frac{\text{Tổng nguồn kinh phí} \times 35\%}{\text{Tổng diện tích đất trồng lúa cả tỉnh}} \times \text{Diện tích đất trồng lúa huyện (A)}$$

Các địa phương sử dụng nguồn kinh phí được hỗ trợ, kết hợp với nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách cấp huyện, xã hàng năm để thực hiện các mục tiêu sau:

a) Thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn (ưu tiên hệ thống kênh mương nội đồng, hệ thống giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ do địa phương quản lý).

b) Hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thực hiện công tác khai hoang đất chưa sử dụng hoặc phục hóa đất bỏ hoang thành đất trồng lúa nước.

c) Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại.

d) Hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa: Áp dụng chỉ theo Điều 12, Điều 14 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông và theo quy định tại Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

e) Hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2.2. Phân bổ 65% kinh phí từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nguồn Trung ương bổ sung cho ngân sách cấp tỉnh; kết hợp với nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm để thực hiện các nội dung sau:

a) Thực hiện việc quy hoạch, lập bản đồ, phân tích chất lượng hóa, lý tính các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm.

b) Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ tưới cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp lớn hơn 5 ha, như: Công trình hồ chứa, đập dâng, công trình trạm bơm và hệ thống kênh chính sau công trình đầu mối.

c) Thực hiện các mục tiêu khác phục vụ công tác bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính.

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước lập hồ sơ nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

b) Chủ trì xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp và thông báo cho người sử dụng đất đối với dự án do UBND cấp tỉnh Quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp; chỉ trình UBND tỉnh Quyết định giao đất sau khi người sử dụng đã nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào Kho bạc Nhà nước theo đúng quy định.

c) Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất trồng lúa ngoài thực địa, lập bản đồ đất trồng lúa. Chủ trì thực hiện công tác quy hoạch, lập bản đồ, phân tích chất lượng hóa, lý tính các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất chất lượng cao định kỳ 10 năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

d) Hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa của các huyện, thị xã, thành phố; đồng thời chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các ngành, đơn vị có liên quan thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất trồng lúa của các địa phương trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì tổ chức hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố lập phương án khai hoang, phục hóa, cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại, cải tạo các vùng đất chưa sử dụng, đất trồng lúa kém chất lượng, đất trồng trọt khác thành đất chuyên trồng lúa nước cho cả giai đoạn 2016 – 2020 và từng năm, thẩm định báo cáo UBND tỉnh phê duyệt.

b) Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố đôn đốc, kiểm tra chỉ đạo các địa phương, đơn vị thực hiện phương án nêu trên sau khi được phê duyệt; tổng hợp kết quả thực hiện hàng năm của các địa phương, đơn vị báo cáo UBND tỉnh.

c) Đối với những dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp trước ngày ban hành Quyết định này, giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên Môi trường xác định số tiền phải nộp để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Sở Tài chính:

a) Hàng năm, chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào kế hoạch chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó dự kiến nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (Nguồn thu từ chuyển mục đích trên địa bàn tỉnh, nguồn Trung ương bổ sung và nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh hàng năm dành cho nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa); báo cáo UBND tỉnh thông qua để trình HĐND tỉnh phê duyệt phân bổ nguồn kinh phí thực hiện chính sách theo quy định.

b) Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, các đơn vị liên quan tổng hợp, tham mưu đề xuất danh mục các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp được đầu tư từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (Nguồn thu từ chuyển mục đích trên địa bàn tỉnh, nguồn Trung ương bổ sung và nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm dành cho nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa); báo cáo UBND tỉnh thông qua để trình HĐND tỉnh phê duyệt theo quy định.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp và thông báo cho người sử dụng đất đúng thời hạn (đối với dự án do UBND cấp huyện quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp theo phân cấp và đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường); Quyết định bàn giao đất sau khi người sử dụng đất

nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách nhà nước (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước).

b) Chủ động sử dụng nguồn kinh phí được phân bổ (theo quy định tại Điểm 2.1 Mục 2 Phần II Quyết định này), nguồn sự kinh tế theo phân cấp và các nguồn huy động hợp pháp khác từ ngân sách địa phương để thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn vừa và nhỏ trên địa bàn và các mục tiêu khác theo quy định của chính sách, đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

c) Hàng năm, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương đề xuất danh mục các công trình đầu tư từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp trình UBND tỉnh thông qua, báo cáo HĐND tỉnh theo quy định.

d) Thông kê số liệu diện tích đất trồng lúa trên địa bàn và báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm liền kề trước năm xây dựng dự toán của địa phương gửi Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT trước tháng 7 của năm trước năm kế hoạch để tổng hợp, xây dựng dự toán trình UBND tỉnh thông qua để báo cáo HĐND tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định.

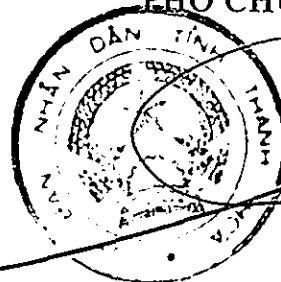
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính; Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, các đơn vị và các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT Kế hoạch và Đầu tư, TN & MT, Tư pháp (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thanh Hóa (để báo cáo);
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT Thn2016120 (100).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *das*



Nguyễn Đức Quyền